

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đoàn Văn Doan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh Đào Ngọc A, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

*Bị đơn: Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Hiện không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn Anh Đào Ngọc A trình bày:

Anh và Chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Châu ngày 14 tháng 11 năm 2011. Sau ngày cưới, vợ chồng ra ở riêng ngay. Đầu năm 2016, Chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc. Trong quá trình chung sống, tình cảm bình thường, đến khoảng năm 2019, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Chị H tự ý làm thủ tục đi xuất khẩu lao động, không hỏi ý kiến anh và gia đình. Ngoài ra, do vợ chồng ở xa nhau nên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, ít liên lạc dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nhiều lần, anh khuyên Chị H về nước

để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nhưng Chị H vẫn tiếp tục làm việc tại Đài Loan. Nay, anh A xác định tình cảm không còn, yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh A và Chị H có 01 con chung là Đào Bình M, sinh ngày 30/11/2012. Hiện cháu M đang ở cùng anh. Ly hôn, anh A đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng.

Hiện tại, anh đang làm đầu bếp tại nhà hàng Ofukubo. Địa chỉ: Số 649, Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000đ nên đảm bảo được việc nuôi con.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Chị Trương Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Chị H không đến Tòa án để làm việc nên không có lời trình bày. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 11 năm 2024 ông Trương Ngọc T và bà Phạm Thị Bích N (bố, mẹ đẻ chị H) trình bày: Về thời gian và thủ tục kết hôn như anh A trình bày. Sau ngày cưới, Chị H về nhà anh A làm dâu, đến cuối năm 2013 vợ chồng ra ở riêng. Đầu năm 2016, Chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, theo hợp đồng lao động có thời hạn là 03 năm. Trong quá trình chung sống, giữa chị H, anh A có phát sinh mâu thuẫn gì hay không ông, bà không nắm được. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 9/2022, Chị H về nước khoảng 01 tháng, Chị H có nói anh A đối xử lạnh nhạt, không quan tâm tới chị. Anh A xin ly hôn, Chị H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp anh A kiên quyết xin ly hôn, Chị H cũng đồng ý.

Về con chung: Ông T, bà N xác nhận Anh A, Chị H có 01 con như anh A trình bày. Hiện cháu M đang ở với bà nội và anh A. Ly hôn, Chị H hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con nên cũng đồng ý để anh A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Chị H hiện không mang thai hay nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông, bà cũng đã hỏi Chị H về địa chỉ nơi cư trú, làm việc của Chị H nhưng Chị H không cung cấp nên ông, bà không cung cấp được cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Đào Ngọc A, xử cho Anh Đào Ngọc A ly hôn Chị Trương Thị Thu H; Về con chung: Giao cho Anh Đào Ngọc A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Bình M, sinh ngày 30/10/2012, Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Anh A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đào Ngọc A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn với Chị Trương Thị Thu H, Chị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo thông tin của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Vĩnh Phúc cung cấp thì lần xuất cảnh gần nhất của Chị Trương Thị Thu H là ngày 13/10/2022, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc đã nhiều lần yêu cầu gia đình Chị H cung cấp địa chỉ cụ thể của Chị H tuy nhiên Ông T, bà N đều không cung cấp được. Điều này cho thấy, Chị H cố tình dấu địa chỉ của mình. Theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Hiền.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Anh Đào Ngọc A và Chị Trương Thị Thu H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua trình bày của các bên thì giữa anh A và Chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Chị H xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ít liên lạc dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hai bên đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay. Mặc dù Chị H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có giải pháp, cũng không về nước chung sống cùng anh A. Anh A kiên quyết xin ly hôn thì Chị H cũng đồng ý. Điều này thể hiện Chị H cũng không còn cố gắng để

giữ gìn cuộc hôn nhân này. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh A và Chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A ly hôn Chị H là phù hợp.

Về con chung: Anh A, Chị H có 01 con chung là Đào Bình M, sinh ngày 30/10/2012. Hiện tại anh A đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H đang đi xuất khẩu lao động nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Bản thân anh A có việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Minh. Cháu Đào Bình M trình bày hiện cháu đang ở cùng với bố và bà nội, nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn là được ở cùng với bố, do mẹ cháu đi nước ngoài từ khi cháu còn nhỏ.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh A là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Minh.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp Chị H có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Về án phí:* Anh A xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho Anh Đào Ngọc A được ly hôn Chị Trương Thị Thu H.

2. *Về con chung:* Giao cho Anh Đào Ngọc A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Bình M, sinh ngày 30/10/2012. Chị Trương Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Đào Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003435 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh A đã thực hiện xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Liên Châu;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Hưng